TAND HUYỆN PHONG THỔ **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2024/QĐST-HNGĐ	*Phong Thổ, ngày 26 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị L T L, sinh năm 19...

Địa chỉ: Tổ A, phường B, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh B D T, sinh năm 19...

Địa chỉ: Bản A xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị L T L và anh B D T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị L T L và anh B D T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị L T L và anh B D T có 03 con chung là B N A, sinh ngày ../2015, B N L, sinh ngày ../2017 và B G H, sinh ngày ../2019. Chị L T L và anh B D T thỏa thuận, thống nhất sau khi ly hôn: Anh B D T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu B N L và B G H cho đến

khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị L T L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu B N A cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Chị L T L và anh B D T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L T L và anh B D T đều không đề nghị cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về chia tài sản chung: Tài sản chung đương sự tự thỏa thuận, không có nợ chung, cho vay chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị L T L và anh B D T mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Chị L T L tự nguyện nộp toàn bộ án phí của vụ án bao gồm cả phần án phí mà anh B D T phải chịu. Tổng cộng chị L T L phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Xác nhận chị L T L đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: 0000368 ngày 25/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Chị L T L được trả lại số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Chi cục THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B, huyện Phong Thổ, Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Triệu Trung Tá